

Số: 300/2022/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 23 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Trương Văn M, sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z.

Tạm trú tại: X, Y, Z.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thanh T; sinh năm 1980

Hộ khẩu thường trú: X, Y, Z.

Tạm trú tại: X, Y, Z.

- Căn cứ vào 5; Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Trương Văn M và chị Trần Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận anh Trương Văn M và chị Trần Thanh T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 17/2004 do UBND phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp cho anh Trương Văn M và chị Trần Thanh T ngày 02/10/2004 không còn giá trị pháp lý)

2.2. Về con chung:

Xác định anh Trương Văn M và chị Trần Thanh T có 02 con chung là: Trương Chí Đức, sinh ngày 05/03/2008 và Trương Thảo Anh, sinh ngày 12/08/2015.

Sau ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cả hai con chung là Trương Chí Đ và Trương Thảo A cho chị Trần Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, anh chị đã tự thỏa thuận giải quyết xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh Trương Văn M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Ngày 12/9/2022, anh Trương Văn M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng. Chị Trần Thanh T nhất trí với đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng của anh M và không có yêu cầu phản tố. Xét thấy đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung vợ chồng của anh M là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật. Anh M và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết xong về việc phân chia tài sản chung vợ chồng, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Văn M chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0064550 ngày 14/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên. Trả lại anh Trương Văn M số tiền 34.438.000đ (ba mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí yêu cầu chia tài sản chung anh đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0064809 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- UBND phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (Nơi ĐKKK ngày 02/10/2004);
- Chi cục THADS quận Long Biên, Tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
Thẩm phán

Nguyễn Thị Phương Huyền